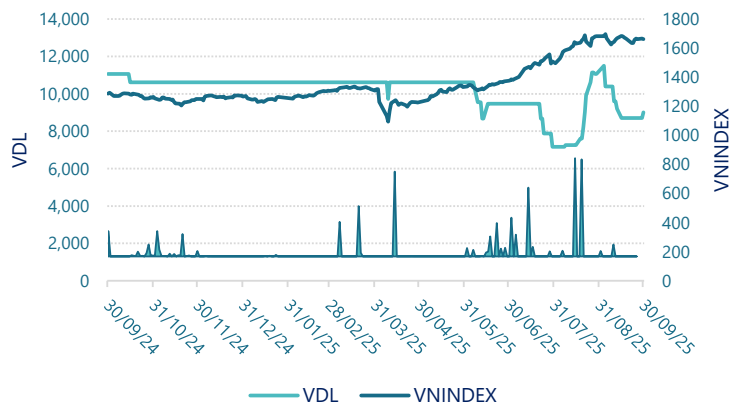




CTCP Thực phẩm Lâm Đồng (HNX: VDL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,165
SL cổ phiếu LH	14,657,150
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,005
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	132
P/E	39.4
EPS	228

DT thuần

Q3/25

9.94

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.09 | 0.9%

YoY: ▲ 1.94 | 24.3%

LN sau thuế

Q3/25

1.08

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.70 | 274%

YoY: ▲ 2.41 | 181%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.9%

+/- YoY: ▲ 27.4%

DT thuần

9T 2025

39.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.3 | -29.1%

LN sau thuế

9T 2025

1.92

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.4 | 117%

ROE

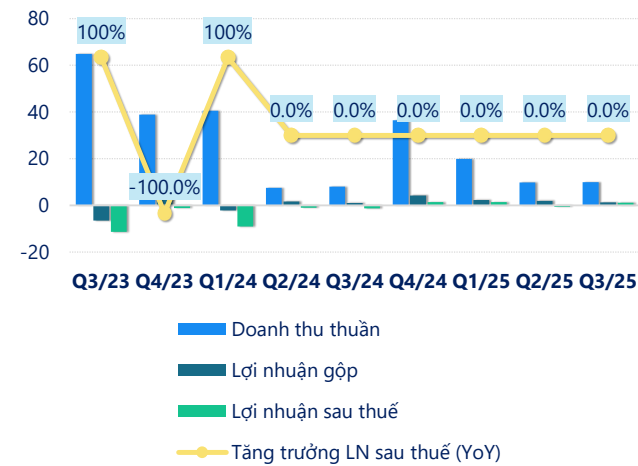
Q3/25

2.1%

+/- YoY: ▲ 9.5%

tỷ VNĐ

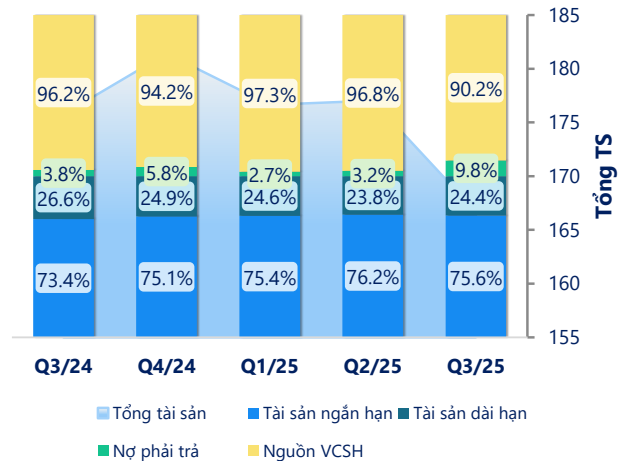
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

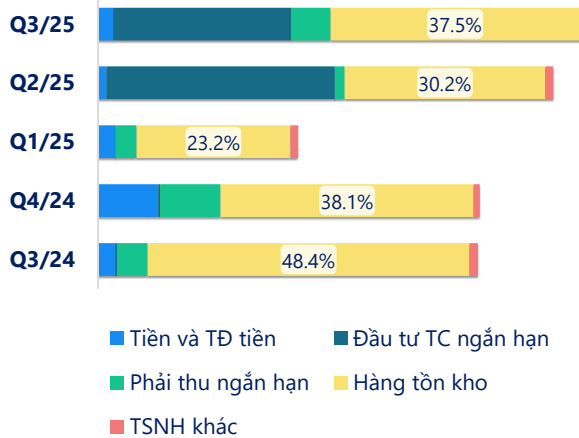
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



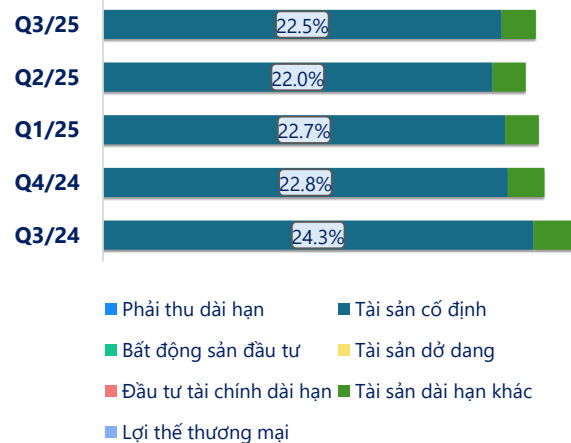
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

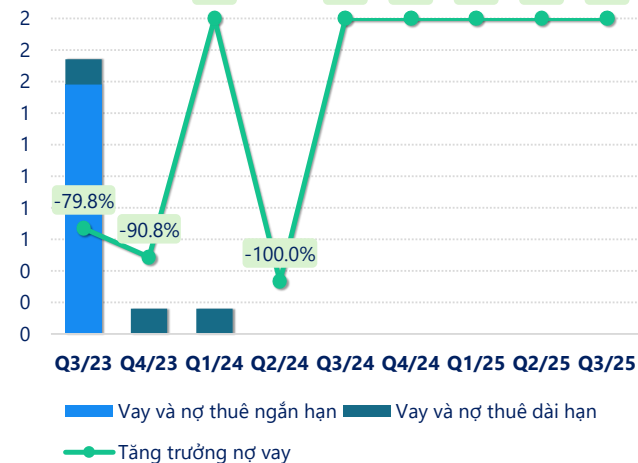
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

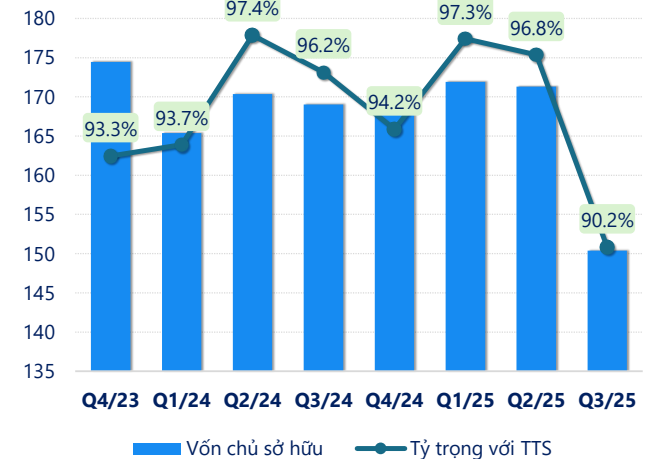
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

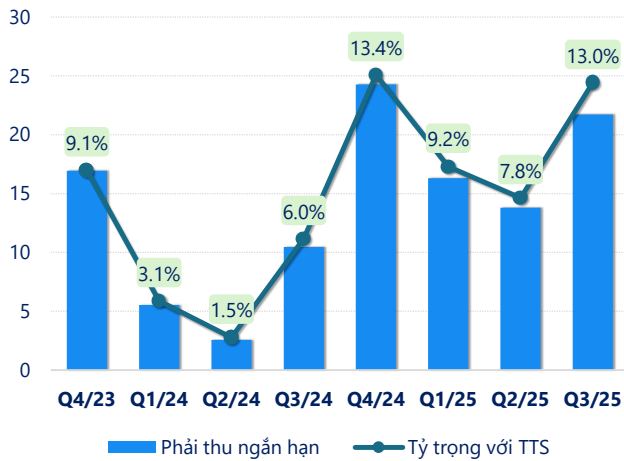
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



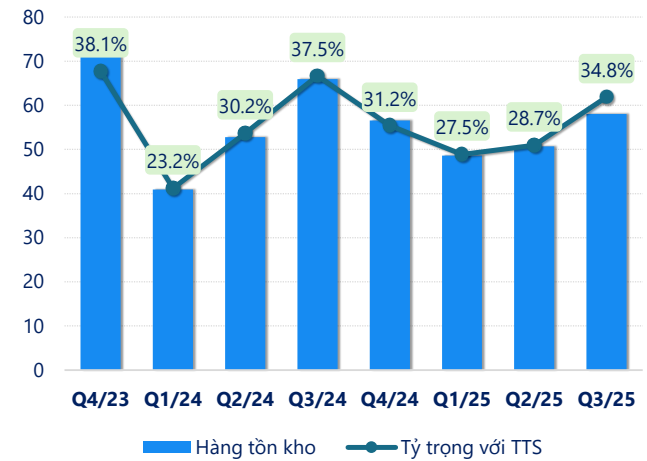
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


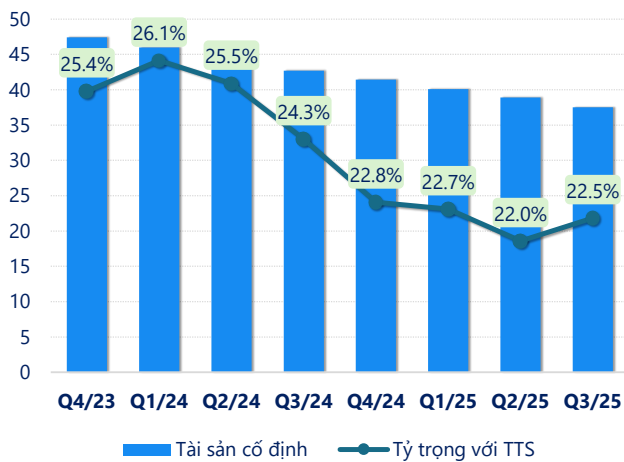
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


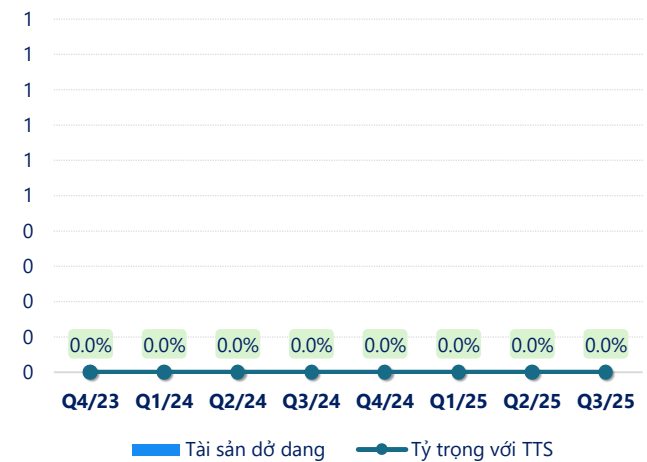
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

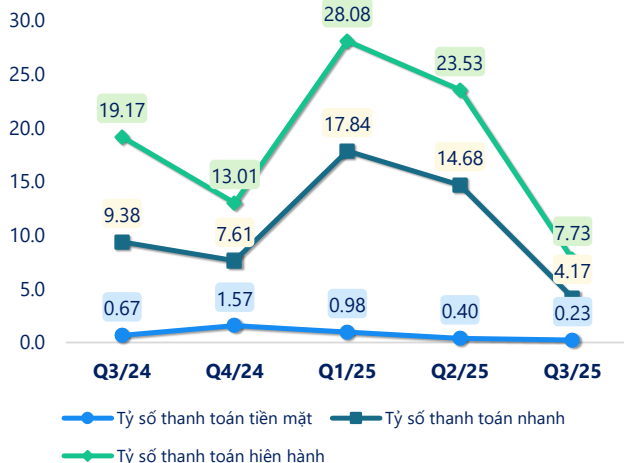
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

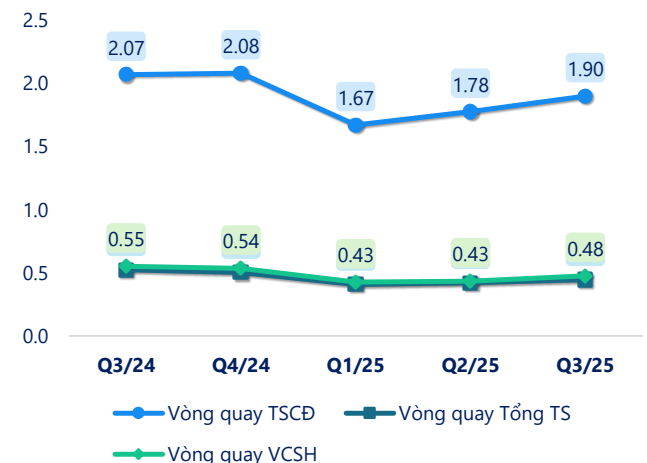
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	176	181	177	177	167
Tài sản ngắn hạn	129	136	133	135	126
Tiền và tương đương tiền	4.54	16.5	4.66	2.28	3.76
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.1	38.0	61.3	65.3	40.2
Phải thu ngắn hạn	10.5	24.3	16.3	13.8	21.7
Hàng tồn kho	65.9	56.5	48.6	50.7	58.0
Tài sản ngắn hạn khác	1.05	0.94	2.34	2.65	2.28
Tài sản dài hạn	46.7	45.2	43.4	42.2	40.7
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	42.7	41.5	40.1	38.9	37.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.06	3.74	3.34	3.31	3.21
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	6.73	10.5	4.74	5.73	16.3
Nợ ngắn hạn	6.73	10.5	4.74	5.73	16.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.81	2.16	0.94	0.91	1.85
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	169	171	172	171	150
Vốn chủ sở hữu	169	171	172	171	150
Vốn điều lệ	147	147	147	147	147
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)